

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hùng Việt

- Ông Nguyễn Tấn Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1995

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022, bản tự khai ngày 30/8/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyền số 01/2014, cấp ngày 03/4/2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai nhận ra không còn hạnh phúc và không thể chung sống với nhau được nữa, anh T xác định hiện nay không còn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị

Ngọc Tr.

Về con chung: Anh T và chị Tr có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diệp Trân, sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay cháu Trân đang cùng sinh sống với anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trân và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 19/8/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày: Quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như anh T trình bày. Quá trình chung sống thì đến đầu năm 2022 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc, từ đó đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm nhau nay tình cảm cả hai không còn và mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Đúng như anh T trình bày. Chị đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr có đơn đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Anh Nguyễn Chí T yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr. Yêu cầu của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh T và chị Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyển số 01/2014, cấp ngày 03/4/2015. Do đó, hôn nhân giữa anh T và chị Tr là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy giữa anh T và chị Tr không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau và quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không thể thàn gắn với nhau được nữa, anh T yêu cầu ly hôn chị Tr và chị Tr cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh T yêu cầu được ly hôn chị Tr là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr yêu cầu giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Trân hiện chưa thành niên, có nguyện vọng được ở với anh T và chị Tr cũng đồng thuận trong việc giao con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của anh T là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Anh Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Chí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Chí T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Diệp Trân, sinh ngày 28/01/2015. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, anh T và chị Tr hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Chí T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007293 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Anh Nguyễn Chí T đã nộp đủ.

Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Đ, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy